

Số: 150 /TMDK

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 3 năm 2021

V/v công bố thông tin Báo cáo tài chính
năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Mã chứng khoán: PDT

Địa chỉ trụ sở: số 140 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại: (0277) 3851056 Fax: (0277) 3851056

Người đại diện theo pháp luật: Lê Thanh Mân

Loại thông tin công bố: định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020.

3. Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty: www.petimex.com.vn tại chuyên mục Quan hệ cổ đông / Công bố thông tin.

Tôi cam đoan các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2020
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lê Thanh Mân

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 41

SOẠN
C
RÁC
N
AP
C
TÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400147351 đăng ký lần đầu vào ngày 02 tháng 07 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 09 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại : 02773 851 056
- Fax : 02773 851 056
- Email : Info@petimex.com.vn
- Website : www.petimex.com.vn

Hoạt động chính của Công ty như sau: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Cung cấp dịch vụ cho thuê kho, bãi,...

2. Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Quang Sĩ	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Mân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đứng	Thành viên
Ông Đinh Thiện Hiền	Thành viên
Bà Lê Thị Hồng	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Lộc	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên
Bà Lê Nguyễn Minh Phương	Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Thanh Mân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đứng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Thiện Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dại diện pháp luật

Họ và tên

Chức vụ

Ông Lê Thanh Mân

Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7 Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



TRẦN QUANG SĨ

Chủ tịch

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2021

11/03/2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 039/2021/BCKT-CT.00203

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 41 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2021

NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.031.941.749.553	4.351.812.369.299
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	431.263.683.107	419.998.535.831
Tiền	111		431.263.683.107	419.998.535.831
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.282.000.000.000	2.546.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.282.000.000.000	2.546.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		541.412.933.283	697.870.650.385
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	358.201.934.700	454.757.124.208
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.968.892.874	8.022.502.449
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	182.764.251.150	239.144.244.492
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(6.545.988.980)	(4.077.064.303)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		23.843.539	23.843.539
Hàng tồn kho	140	5.7	762.612.101.956	687.440.923.865
Hàng tồn kho	141		762.612.101.956	687.440.923.865
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.653.031.207	502.259.218
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	47.281.833	502.259.218
Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.998.600.806	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		607.148.568	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.597.537.286.923	1.571.486.403.417
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		1.225.241.517.815	1.179.200.200.764
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	289.089.444.391	243.196.588.726
Nguyên giá	222		805.567.167.095	741.074.628.284
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(516.477.722.704)	(497.878.039.558)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	936.152.073.424	936.003.612.038
Nguyên giá	228		936.192.507.038	936.005.007.038
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.433.614)	(1.395.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		72.840.104.700	84.363.822.693
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	72.840.104.700	84.363.822.693
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	279.730.997.899	282.102.661.335
Đầu tư vào công ty con	251		177.487.161.616	177.487.161.616
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		81.529.196.727	81.529.196.727
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.340.779.366	27.340.779.366
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.626.139.810)	(4.254.476.374)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		19.724.666.509	25.819.718.625
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	19.724.666.509	25.819.718.625
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.629.479.036.476	5.923.298.772.716

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.820.796.700.397	4.934.672.625.584
Nợ ngắn hạn	310		3.593.945.444.408	4.700.248.707.054
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	750.138.984.571	833.602.389.353
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	5.677.484.712	478.827.761
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	118.270.739.252	168.389.466.755
Phải trả người lao động	314		632.447.659	8.581.235.662
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	6.680.790.906	10.699.025.500
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	3.062.969.864	3.390.083.764
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	2.306.400.954.288	3.494.507.185.037
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	8.471.523.567
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.19	15.304.152.675	9.290.967.795
Quỹ bình ổn giá	323	5.20	387.776.920.481	162.838.001.860
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		226.851.255.989	234.423.918.530
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	226.851.255.989	234.423.918.530
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		808.682.336.079	988.626.147.132
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	808.682.336.079	988.626.147.132
Vốn góp của chủ sở hữu	411		873.239.800.000	873.239.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		873.239.800.000	873.239.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		60.079.871.219	44.681.605.883
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(124.637.335.140)	70.704.741.249
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(18.165.867.942)	(19.873.290.138)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(106.471.467.198)	90.578.031.387
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.629.479.036.476	5.923.298.772.716

PHẠM VĂN BÊN
Người lập biểu

NGUYỄN XUÂN TUYÊN
Kế toán trưởng



LÊ THANH MÃN

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
 Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	7.740.670.034.691	16.035.849.859.851
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1.2	51.709.091	83.159.131
Doanh thu thuần	10		7.740.618.325.600	16.035.766.700.720
Giá vốn hàng bán	11	6.2	7.716.662.639.650	15.693.320.321.406
Lợi nhuận gộp	20		23.955.685.950	342.446.379.314
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	202.266.611.547	263.574.903.437
Chi phí tài chính	22	6.4	158.282.802.230	232.012.047.406
Trong đó: chi phí lãi vay	23		115.509.347.067	185.539.485.972
Chi phí bán hàng	25	6.5	150.749.979.983	215.857.111.393
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	36.013.819.923	51.140.501.429
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(118.824.304.639)	107.011.622.523
Thu nhập khác	31	6.7	12.698.048.835	7.162.638.380
Chi phí khác	32	6.8	345.211.394	795.277.336
Lợi nhuận khác	40		12.352.837.441	6.367.361.044
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(106.471.467.198)	113.378.983.567
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	22.800.952.181
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(106.471.467.198)	90.578.031.386


 PHẠM VĂN BÊN
 Người lập biểu


 NGUYỄN XUÂN TUYÊN
 Kế toán trưởng


 LÊ THANH MÃN
 Tổng Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(106.471.467.198)	113.378.983.567
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		22.879.194.318	24.646.651.859
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(3.630.935.454)	16.803.064.244
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.929.453.696)	(949.264.504)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(128.673.993.565)	(180.099.744.627)
Chi phí lãi vay	06		115.509.347.067	185.539.485.972
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(103.317.308.528)	159.319.176.511
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		77.363.874.095	54.219.399.454
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(75.171.178.091)	245.457.773.826
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		93.395.307.234	(762.555.262.100)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.550.029.501	5.808.198.785
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(120.311.783.539)	(185.539.485.972)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.353.059.423)	(34.780.308.954)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.387.572.384)	(1.590.022.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(135.231.691.135)	(519.660.531.413)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(62.913.053.283)	(56.390.977.207)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	431.818.182
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.287.722.849.315)	(1.775.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		2.551.722.849.315	2.239.929.300.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	524.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		192.581.723.548	179.878.833.948
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.393.668.670.265	589.372.974.923

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	10.339.142.364.907	19.154.946.345.850
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(11.523.605.985.245)	(19.032.333.511.415)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(61.071.586.591)	(63.762.315.107)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.245.535.206.929)	58.850.519.328
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		12.901.772.201	128.562.962.838
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		419.998.535.831	291.307.294.944
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.636.624.925)	128.278.049
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	431.263.683.107	419.998.535.831


PHẠM VĂN BÊN
Người lập biểu


NGUYỄN XUÂN TUYÊN
Kế toán trưởng




LÊ THANH Mẫn
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400147351 đăng ký lần đầu vào ngày 02 tháng 07 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 09 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty như sau: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Cung cấp dịch vụ cho thuê kho, bãi,...

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 8 chi nhánh, năm công ty con và ba công ty liên kết

Các chi nhánh trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Tổng kho xăng dầu Phước Khánh	Ấp 2, Xã Phước Khánh, Huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Tổng Kho Xăng Dầu Trần Quốc Toàn	Số 1651 Quốc lộ 30, phường 11, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Tại Thành Phố Hồ Chí Minh	Lầu 3, Broadway A, Số 100 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Tại An Giang	Số 585, Tổ 14, ấp An Quới, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Tổng Kho Xăng Dầu Tân Phú Thạnh	Số 106 QL1A, Khu vực 2, phường Ba Láng, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Khu du lịch Ba Láng	QL1A, Khu vực 2, phường Ba Láng, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Kho Xăng Dầu Trường Xuân	Ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Kho Xăng Dầu Tuyến Sau Long Bình Tân	Số 175/8/6, đường Châu Văn Long, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

ĐẠI
C
ÁCH
KIẾ
FC V
CHI
C
RÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
- Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp	Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh thương mại, dịch vụ	51,00%	51,00%
- Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp	Số 328 QL30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh thương mại xăng dầu,...	51,16%	51,16%
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà	Số 272 đường Lê Duẩn, phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh nhà hàng, khách sạn,...	82,56%	82,56%
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tây Đô	Số 58, đường số 8, KĐT Phú An, phường Phú Thới, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh thương mại xăng dầu,...	64,01%	64,01%
- Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí Cửu Long	Số 67/6A đường Phó Cơ Điều, phường 4 Thành Phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh xăng dầu,...	49,00%	49,00%

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí Cửu Long được xác định là công ty con do Công ty có quyền bỏ nhiệm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty này.

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp	Áp 2, Xã Mỹ Hiệp, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.	Kinh doanh gas, khí hóa lỏng,...	34,00%	34,00%
Công ty Cổ phần Hóa dầu Phước Khánh	Số 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Sopot Gas One	Áp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh khí gas hóa lỏng	20,00%	20,00%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán. Do năm tài chính từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 13,7 tháng, năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 12 tháng nên số liệu năm nay không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 227 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 236 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty hoạt động theo loại hình công ty cổ phần được bắt đầu từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 562.003.694.855 VND. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ tạo ra từ hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như việc thanh lý một số tài sản dài hạn không cần dùng. Do đó, Công ty hoàn toàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong nhiều năm tài chính tiếp theo. Dự trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giải định hoạt động liên tục theo quy định hiện hành.

002
Y
T
H
N
N
A
N
H
D
P.C.T

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
 - Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng BIDV (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng BIDV và Vietcombank (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ghi nhận doanh thu tương ứng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tây Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí Cửu Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa dầu Phước Khánh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sopet Gas One	Công ty liên kết
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

LÀBP
CÓN
CHNH
KIEM
VC V
CHI
CÁ
RAN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt tồn quỹ		
+ VND	27.213.890	44.656.035
+ USD	185.123.600	186.716.148
+ EUR	266.280.000	244.872.990
+ Vàng	27.300.000	54.000.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ VND	430.287.337.340	398.361.352.101
+ USD	470.428.277	21.106.938.557
	431.263.683.107	419.998.535.831

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ		
+ USD	8.084,00	185.123.600
+ EUR	9.510,00	266.280.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ USD	20.462,30	470.428.277
		921.831.877

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu về cho vay các tổ chức, cá nhân khác		
Ngân hàng BIDV	438.000.000.000	1.063.000.000.000
Ngân hàng Vietcombank	235.000.000.000	254.000.000.000
Ngân hàng LienVietPostbank	559.000.000.000	358.000.000.000
Ngân hàng Vietinbank	50.000.000.000	500.000.000.000
Ngân hàng MBbank	-	311.000.000.000
Ngân hàng Sacombank	-	60.000.000.000
	1.282.000.000.000	2.546.000.000.000

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	31/12/2020 VND
Ngân hàng BIDV	06 tháng	3,9% - 4,2%	438.000.000.000
Ngân hàng Vietcombank	06 tháng	3,7% - 4,2%	235.000.000.000
Ngân hàng LienVietPostbank	13 tháng	7,8%	559.000.000.000
Ngân hàng Vietinbank	06 tháng	3,7% - 4,2%	50.000.000.000
			1.282.000.000.000

3-Q
TY
HUB
IOA
BTI
HHA
YTH
3-Y

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Sopot Gas One	440.791.968	688.222.552
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp	-	6.277.783.161
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tây Đô	1.222.105.388	5.668.993.343
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	177.485.533.644	195.435.963.993
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp	79.800.000	205.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Mỹ Trà	1.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu Phước Khánh	3.340.792.157	1.617.566.839
Công ty Cổ phần khí hóa lỏng Đồng Tháp	250.815.156	250.815.156
Phải thu các khách hàng khác		
Savimex Im - Ex Co.Ltd	55.047.294.183	56.814.947.346
Bright Victory Co.Ltd	32.879.137.184	127.606.301.677
Totsa Total Oil Trading S.A.	43.301.463.431	-
Các khách hàng khác	42.954.201.589	60.191.530.141
	358.201.934.700	454.757.124.208

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Xăng Dầu Vĩnh Phú	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Kỹ Thuật Sao Việt	1.750.000.000	-
Công ty TNHH T&C	861.371.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.157.521.874	6.822.502.449
	6.968.892.874	8.022.502.449

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp - Cổ tức	2.888.726.400	-	-	-
Công ty TNHH Sopot Gas One - Cổ tức	3.696.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Phải thu cổ phần hóa	91.317.392.649	-	73.451.792.062	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt tạm nộp	29.430.811.930	-	29.430.811.930	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	19.646.452.344	-	89.918.836.755	-
Các đối tượng khác	35.784.867.827	(4.245.415.772)	46.342.803.745	(3.018.380.902)
	182.764.251.150	(4.245.415.772)	239.144.244.492	(3.018.380.902)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.6 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tại ngày 01/01/2020			
Chi nhánh Vĩnh Long	Trên 3 năm	829.883.025	-
Chi nhánh Cần Thơ	Trên 3 năm	726.514.865	-
Các đối tượng khác	Trên 1 năm	2.570.166.413	49.500.000
		4.126.564.303	49.500.000
Tại ngày 31/12/2020			
Chi nhánh Vĩnh Long	Trên 3 năm	829.883.025	-
Chi nhánh Cần Thơ	Trên 3 năm	726.514.865	-
Các đối tượng khác	Trên 2 năm	6.506.242.122	1.516.651.032
		8.062.640.012	1.516.651.032

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu bán hàng VND	Nợ phải thu người bán VND	Nợ phải thu khác VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	(586.875.970)	(471.807.431)	(3.018.380.902)	(4.077.064.303)
Trích dự phòng bổ sung	(1.174.083.316)	(67.806.491)	(1.227.034.870)	(2.468.924.677)
Tại ngày 31/12/2020	(1.760.959.286)	(539.613.922)	(4.245.415.772)	(6.545.988.980)

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	178.476.417.039	-	-	-
Nguyên vật liệu	955.759.749	-	573.883.079	-
Thành phẩm	2.856.003.036	-	12.100.751.047	-
Hàng hóa	580.323.922.132	-	674.766.289.739	-
	762.612.101.956	-	687.440.923.865	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	11.333.333	351.915.278
Chi phí khác chờ phân bổ	35.948.500	150.343.940
	47.281.833	502.259.218

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi thế kinh doanh	15.961.308.649	18.563.695.929
Chi phí sửa chữa tài sản	1.245.543.205	2.570.745.279
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	671.220.792	3.070.195.052
Chi phí khác chờ phân bổ	1.846.593.863	1.615.082.365
	19.724.666.509	25.819.718.625

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	697.661.002.881	19.229.173.856	12.822.065.300	11.362.386.247	741.074.628.284
Mua sắm trong năm	-	4.108.925.426	-	2.118.064.455	6.226.989.881
Tăng do XDCB hoàn thành	62.726.093.460	-	-	-	62.726.093.460
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.374.793.320)	(590.751.210)	(495.000.000)	(4.460.544.530)
Tại ngày 31/12/2020	760.387.096.341	19.963.305.962	12.231.314.090	12.985.450.702	805.567.167.095
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	467.068.736.564	15.239.349.198	7.662.873.742	7.907.080.054	497.878.039.558
Khấu hao trong năm	17.654.823.581	2.121.249.853	1.245.183.426	1.818.898.844	22.840.155.704
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.184.236.736)	(581.178.854)	(475.056.968)	(4.240.472.558)
Tại ngày 31/12/2020	484.723.560.145	14.176.362.315	8.326.878.314	9.250.921.930	516.477.722.704
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	230.592.266.317	3.989.824.658	5.159.191.558	3.455.306.193	243.196.588.726
Tại ngày 31/12/2020	275.663.536.196	5.786.943.647	3.904.435.776	3.734.528.772	289.089.444.391
Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:					
Tại ngày 01/01/2020	230.592.266.317	3.989.824.658	5.159.191.558	3.455.306.193	243.196.588.726
Tại ngày 31/12/2020	275.663.536.196	5.786.943.647	3.904.435.776	3.734.528.772	289.089.444.391

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	935.954.787.038	50.220.000	936.005.007.038
Mua trong năm	-	187.500.000	187.500.000
Tại ngày 31/12/2020	935.954.787.038	237.720.000	936.192.507.038
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	-	1.395.000	1.395.000
Khấu hao trong năm	-	39.038.614	39.038.614
Tại ngày 31/12/2020	-	40.433.614	40.433.614
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	935.954.787.038	48.825.000	936.003.612.038
Tại ngày 31/12/2020	935.954.787.038	197.286.386	936.152.073.424

Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Tại ngày 01/01/2020	935.954.787.038	48.825.000	936.003.612.038
Tại ngày 31/12/2020	935.954.787.038	197.286.386	936.152.073.424

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2020 VND
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	6.402.227.012	-	-	6.402.227.012
Chi phí xây dựng kho	57.865.182.627	45.291.088.508	(56.987.588.157)	46.168.682.978
Chi phí xây dựng dở dang khác	20.096.413.054	5.962.791.504	(5.790.009.848)	20.269.194.710
	84.363.822.693	51.253.880.012	(62.777.598.005)	72.840.104.700

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	177.487.161.616	-	177.487.161.616	-
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp	29.127.921.030	-	29.127.921.030	- (*)
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp	49.322.386.103	-	49.322.386.103	- (*)
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tây Đô	24.378.481.061	-	24.378.481.061	- (*)
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	41.306.560.313	-	41.306.560.313	- (*)
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí Cửu Long	33.351.813.109	-	33.351.813.109	- (*)
Đầu tư vào công ty liên kết	81.529.196.727	(2.520.937.710)	81.529.196.727	(149.274.274)
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp	22.458.676.037	-	22.458.676.037	- (*)
Công ty Cổ phần Hóa dầu Phước Khánh	44.100.000.000	(2.520.937.710)	44.100.000.000	(149.274.274) (*)
Công ty TNHH Sopot Gas One	14.970.520.690	-	14.970.520.690	- (*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27.340.779.366	(4.105.202.100)	27.340.779.366	(4.105.202.100)
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí Mekong	4.105.202.100	(4.105.202.100)	4.105.202.100	(4.105.202.100)
Công ty Cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	1.909.066.305	-	1.909.066.305	- (*)
Công ty Cổ phần Vận Tải Đường Sông	2.536.899.848	-	2.536.899.848	- (*)
Công ty Cổ phần Vận Tải Âu Lạc	9.367.277.297	-	9.367.277.297	- (*)
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Viễn Thông Đồng Tháp	5.832.919.683	-	5.832.919.683	- (*)
Công ty Cổ phần TM Long Thành	3.589.414.133	-	3.589.414.133	- (*)
	286.357.137.709	(6.626.139.810)	286.357.137.709	(4.254.476.374)

(*) Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020 của các khoản đầu tư này.

Công ty con:

- Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp: kinh doanh vận tải.... Công ty sở hữu 2.407.272 cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp: kinh doanh xăng dầu.... Công ty sở hữu 5.429.113 cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà: kinh doanh nhà hàng, khách sạn.... Công ty sở hữu 4.293.200 cổ phần chiếm 83% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tây Đô: kinh doanh xăng dầu.... Công ty sở hữu 2.295.000 cổ phần chiếm 64% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí Cửu Long: kinh doanh xăng dầu.... Công ty sở hữu 2.205.000 cổ phần chiếm 49% vốn điều lệ. Công ty có quyền bổ nhiệm đa số các thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty này.

Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp: Kinh doanh gas, khí hóa lỏng.... Công ty sở hữu 2.040.000 cổ phần chiếm 34% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Hóa dầu Phước Khánh: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Công ty sở hữu 4.410.000 cổ phần chiếm 49% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Sopot Gas One: Kinh doanh khí gas hóa lỏng. Công ty góp vốn 600.000 USD chiếm 20% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
 Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp	2.326.849.798	2.227.742.082
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Tây Đô	245.880.000	135.200.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	106.900.000	1.268.450.920
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	87.920.500	-
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Horizon Petroleum.Ltd	194.874.990.706	302.313.586.336
Total Trading Asia PTE.Ltd	51.152.091.769	88.342.587.400
Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	200.145.227.412	172.609.849.829
Chi Nhánh Phân Phối Sản Phẩm Lọc Dầu Nghi Sơn - Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam	141.883.785.212	248.176.163.983
Elico Oil Pte.Ltd	99.059.664.840	-
Các nhà cung cấp khác	60.255.674.334	18.528.808.803
	750.138.984.571	833.602.389.353

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Người mua trả tiền trước-bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp	5.205.344.560	-
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Hoàng Gia Minh Lợi	225.000.000	330.000.000
Các khách hàng khác	5.452.484.712	148.827.761
	5.677.484.712	478.827.761

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐÔNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	6.053.160.528	167.574.591.968	(173.627.752.496)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.745.910.855	-	(7.353.059.423)	-	-	(607.148.568)
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.085.565.326	(476.118.087)	609.447.239	609.447.239	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.909.736.814	(1.791.932.909)	117.803.905	117.803.905	-
Thuế bảo vệ môi trường	155.590.395.372	1.208.589.122.000	(1.246.636.029.264)	117.543.488.108	117.543.488.108	-
	168.389.466.755	1.379.159.016.108	(1.429.884.892.179)	118.270.739.252	(607.148.568)	

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%, 5%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2020 VND	2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(106.471.467.198)	113.378.983.567
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	17.990.740.009	795.277.336
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.890.462.500)	(169.500.000)
Thu nhập chịu thuế	(97.371.189.689)	114.004.760.903
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế TNDN phải nộp	-	22.800.952.181

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Trích trước chi phí vận chuyển	2.376.157.080	1.677.626.148
Trích trước chi phí lãi vay	4.178.459.977	8.980.896.449
Trích trước chi phí khác	126.173.849	40.502.903
	6.680.790.906	10.699.025.500

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Phải trả kinh phí công đoàn, bảo hiểm	1.284.528.156	1.382.149.567
Phải trả cơ quan bảo hiểm	580.377.564	583.663.593
Phải trả cổ phần hóa	285.719.204	285.719.204
Nhận ký quỹ, ký cược	672.600.000	807.600.000
Phải trả, phải nộp khác	239.744.940	330.951.400
	3.062.969.864	3.390.083.764

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Tạm ứng vốn dự trữ	223.428.989.598	230.861.607.098
Phải trả cổ phần hóa	3.324.480.000	3.562.180.000,00
Phải trả, phải nộp khác	97.786.391	131.432
	226.851.255.989	234.423.918.530

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng BIDV	789.779.638.290	789.779.638.290	987.657.110.926	987.657.110.926
Ngân hàng Vietinbank	961.390.642.737	961.390.642.737	1.596.992.762.491	1.596.992.762.491
Ngân hàng Vietcombank	555.230.673.261	555.230.673.261	554.836.506.865	554.836.506.865
Ngân hàng Mbbank	-	-	355.020.804.755	355.020.804.755
	2.306.400.954.288	2.306.400.954.288	3.494.507.185.037	3.494.507.185.037

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết số dư khoản vay và nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Hạn mức VND	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	31/12/2020 VND
Ngân hàng BIDV	3.000.000.000.000	3 - 4 tháng	2,5% - 3,2%	789.779.638.290
Ngân hàng Vietinbank	3.000.000.000.000	3 - 4 tháng	1,5% - 3,2%	961.390.642.737
Ngân hàng Vietcombank	1.500.000.000.000	3 - 4 tháng	1,6% - 3,2%	555.230.673.261
				2.306.400.954.288

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2020	Phát sinh vay trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2020 VND
Vay ngân hàng	3.494.507.185.037	10.339.142.364.907	(11.527.248.595.656)	2.306.400.954.288

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	9.290.967.795	10.871.911.990
Trích lập quỹ	12.400.757.264	-
Chi quỹ trong năm	(6.387.572.384)	(1.580.944.195)
Số dư cuối năm	15.304.152.675	9.290.967.795

5.20 Quỹ bình ổn giá

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	162.838.001.860	117.607.812.226
Trích lập quỹ trong năm	339.729.570.241	374.980.572.018
Sử dụng quỹ trong năm	(114.790.651.620)	(329.750.382.384)
Số dư cuối năm	387.776.920.481	162.838.001.860

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.21 Vốn chủ sở hữu

5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 10/11/2018	131.712.599.298	599.437.402.590	127.868.765.464	53.083.699.562	63.421.425.142	975.523.892.056
Tăng vốn theo công bố giá trị doanh nghiệp	741.527.200.702	(599.437.402.590)	(127.868.765.464)	(8.402.093.679)	(5.818.938.969)	-
Lãi từ ngày 10/11/2018 đến ngày 31/12/2019	-	-	-	-	90.578.031.386	90.578.031.386
Giảm do tạm điều chỉnh giá trị doanh nghiệp	-	-	-	-	(13.713.461.203)	(13.713.461.203)
Tam nộp lợi nhuận về ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	(63.762.315.107)	(63.762.315.107)
Tại ngày 31/12/2019	873.239.800.000	-	-	44.681.605.883	70.704.741.249	988.626.147.132
Tại ngày 01/01/2020	873.239.800.000	-	-	44.681.605.883	70.704.741.249	988.626.147.132
Lỗ trong năm 2020	-	-	-	-	(106.471.467.198)	(106.471.467.198)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	15.398.265.336	(15.398.265.336)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(12.400.757.264)	(12.400.757.264)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(61.071.586.591)	(61.071.586.591)
Tại ngày 31/12/2020	873.239.800.000	-	-	60.079.871.219	(124.637.335.140)	808.682.336.079

5.21.2 Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp Nhà Nước	861.276.410.000	98,63%	861.276.410.000	98,63%
Các cổ đông khác	11.963.390.000	1,37%	11.963.390.000	1,37%
	873.239.800.000	100,00%	873.239.800.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.21.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.323.980	87.323.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	87.323.980	87.323.980
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	87.323.980	87.323.980
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	87.323.980	87.323.980
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	87.323.980	87.323.980

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
- Đô la Mỹ (USD)	28.546,30	921.922,97
- Euro (EUR)	9.510,00	9.510,00

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	7.725.334.766.931	16.014.607.360.110
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.335.267.760	21.242.499.741
	7.740.670.034.691	16.035.849.859.851

Các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh 9.2.

6.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2020 VND	2019 VND
Hàng bán trả lại	51.709.091	83.159.131

6.2 Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn bán hàng	7.716.662.639.650	15.693.320.321.406

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi, lãi kỳ quỹ	149.664.539.062	226.304.391.480
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.770.473.525	169.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	24.907.612.435	36.012.882.616
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.929.453.696	949.264.504
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.994.532.829	138.864.837
	202.266.611.547	263.574.903.437

6.4 Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	115.509.347.067	185.539.485.972
Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.401.791.727	42.218.085.060
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	2.371.663.436	4.254.476.374
	158.282.802.230	232.012.047.406

6.5 Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	23.738.180.071	50.957.927.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.861.596.809	22.440.874.731
Chi phí hao hụt định mức xăng dầu	22.671.541.964	48.119.789.099
Chi phí vận chuyển hàng hóa	29.655.275.233	36.779.161.812
Chi phí bán hàng khác	53.823.385.906	57.559.358.728
	150.749.979.983	215.857.111.393

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.910.821.332	6.199.813.327
Chi phí dự phòng	2.468.924.677	12.548.587.870
Chi phí quản lý khác	31.634.073.914	32.392.100.232
	36.013.819.923	51.140.501.429

DƯỢC
 TỶ
 GIỮ
 AN
 NÀ
 ANH
 HỒ
 T.P.C.T

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.7 Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	82.045.842
Trong đó:		
<i>Giá trị thu hồi thanh lý tài sản cố định</i>	-	431.818.182
<i>Giá trị còn lại của tài sản thanh lý</i>	-	(349.772.340)
Thu nhập từ bồi thường vi phạm hợp đồng	4.947.036.504	5.966.956.663
Thu nhập khác	7.751.012.331	1.113.635.875
	12.698.048.835	7.162.638.380

6.8 Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	220.071.972	-
Trong đó:		
<i>Giá trị còn lại của tài sản thanh lý</i>	220.071.972	-
<i>Giá trị thu hồi thanh lý tài sản cố định</i>	-	-
Chi phí phạt chậm thanh toán	116.675.422	795.277.336
Chi phí khác	8.464.000	-
	345.211.394	795.277.336

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân công	25.649.001.403	57.157.740.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.879.194.318	24.646.651.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.245.845.451	57.437.538.661
Chi phí khác	73.989.758.734	119.284.158.385
	186.763.799.906	258.526.089.255

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	2020 VND	2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	10.339.142.364.907	19.154.946.345.850

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2020 VND	2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	11.523.605.985.245	19.032.333.511.415

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Các khoản vay và nợ	2.306.400.954.288	-	2.306.400.954.288
Phải trả người bán	750.138.984.571	-	750.138.984.571
Phải trả khác và chi phí phải trả	9.743.760.770	226.851.255.989	236.595.016.759
	3.066.283.699.629	226.851.255.989	3.293.134.955.618
Ngày 01 tháng 01 năm 2020			
Các khoản vay và nợ	3.494.507.185.037	-	3.494.507.185.037
Phải trả người bán	833.602.389.353	-	833.602.389.353
Phải trả khác và chi phí phải trả	14.089.109.264	234.423.918.530	248.513.027.794
	4.342.198.683.654	234.423.918.530	4.576.622.602.184

Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 (xem tại thuyết minh 5.9 và 5.10).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	358.201.934.700	454.757.124.208	358.201.934.700	454.757.124.208
Phải thu khác	182.764.251.150	239.144.244.492	182.764.251.150	239.144.244.492
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27.340.779.366	27.340.779.366	27.340.779.366	27.340.779.366
Tiền và các khoản tương đương tiền	431.263.683.107	419.998.535.831	431.263.683.107	419.998.535.831
	999.570.648.323	1.141.240.683.897	999.570.648.323	1.141.240.683.897
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	2.306.400.954.288	3.494.507.185.037	2.306.400.954.288	3.494.507.185.037
Phải trả người bán	750.138.984.571	833.602.389.353	750.138.984.571	833.602.389.353
Phải trả khác	236.595.016.759	248.513.027.794	236.595.016.759	248.513.027.794
	3.293.134.955.618	4.576.622.602.184	3.293.134.955.618	4.576.622.602.184

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2020 VND	2019 VND
Tiền lương và thưởng	4.035.340.434	5.719.877.145

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp	Bán hàng/dịch vụ Mua hàng/dịch vụ Cổ tức được chia	1.882.336.099 26.475.910.317 6.669.035.200	1.525.284.165 32.682.306.842 -
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp	Bán hàng/dịch vụ Mua hàng/dịch vụ Cổ tức được chia	1.509.311.864.752 8.846.196.217 2.714.556.500	2.485.539.447.116 9.397.141.789 -
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tây Đô	Lãi chậm thanh toán Bán hàng/dịch vụ Mua hàng/dịch vụ	45.404.078 311.342.786.160 6.925.914.582	- 652.332.636.803 8.218.713.850
Công ty TNHH Sopot Gas One	Bán hàng/dịch vụ Cổ tức được chia	400.719.741 4.294.500.000	673.927.317 -
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí Cửu Long	Bán hàng/dịch vụ Mua hàng/dịch vụ	1.679.011.624.360 4.652.819.303	3.685.330.542.033 7.523.844.385
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	Bán hàng/dịch vụ Mua hàng/dịch vụ	1.281.423.634 1.521.437.275	2.004.545.455 2.060.051.242
Công ty Cổ phần Hóa dầu Phước Khánh	Bán hàng/dịch vụ Mua hàng/dịch vụ	1.666.275.132 4.772.727.273	1.655.266.041 7.821.114.365
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp	Bán hàng/dịch vụ Cổ tức được chia	210.966.409 1.020.000.000	244.645.455 -

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các bên liên quan			
Công ty TNHH Sopot Gas One	Phải thu thương mại Phải thu cổ tức	440.791.968 3.696.000.000	688.222.552 -
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp	Phải thu thương mại	-	6.277.783.161
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tây Đô	Phải thu thương mại	1.222.105.388	5.668.993.343
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	Phải thu thương mại	177.485.533.644	195.435.963.993
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp	Phải thu thương mại Phải thu cổ tức	79.800.000 2.888.726.400	205.000.000 -
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	Phải thu thương mại	1.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu Phước Khánh	Phải thu thương mại	3.340.792.157	1.617.566.839
Công ty Cổ phần khí hóa lỏng Đồng Tháp	Phải thu thương mại	250.815.156	250.815.156
Phải trả các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp	Phải trả thương mại	2.326.849.798	2.227.742.082
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Tây Đô	Phải trả thương mại	245.880.000	135.200.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp	Nhận trước tiền hàng	5.205.344.560	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	Phải trả thương mại	87.920.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	Phải trả thương mại	106.900.000	1.268.450.920

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
 Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại xăng, dầu, nhớt,...

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thương mại xuất khẩu và nội địa.

2020	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	2.384.863.076.815	5.355.755.248.785	7.740.618.325.600
Chi phí phân bổ	(2.377.482.396.293)	(5.339.180.243.357)	(7.716.662.639.650)
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.380.680.522	16.575.005.428	23.955.685.950
Chi phí không phân bổ			(186.763.799.906)
Doanh thu hoạt động tài chính			202.266.611.547
Chi phí hoạt động tài chính			(158.282.802.230)
Thu nhập khác			12.698.048.835
Chi phí khác			(345.211.394)
Lợi nhuận trước thuế			(106.471.467.198)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			(106.471.467.198)
Vào ngày 31/12/2020			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	170.231.459.429	187.970.475.271	358.201.934.700
Tài sản không phân bổ			4.271.277.101.776
Tổng tài sản			4.629.479.036.476
Nợ phải trả không phân bổ			3.820.796.700.397
Tổng nợ phải trả			3.820.796.700.397

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
Số 140 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

2019	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	4.576.792.845.469	11.458.973.855.251	16.035.766.700.720
Chi phí phân bổ	(4.479.054.697.487)	(11.214.265.623.919)	(15.693.320.321.406)
Kết quả kinh doanh bộ phận	97.738.147.982	244.708.231.332	342.446.379.314
Chi phí không phân bổ			(266.997.612.822)
Doanh thu hoạt động tài chính			263.574.903.437
Chi phí hoạt động tài chính			(232.012.047.406)
Thu nhập khác			7.162.638.380
Chi phí khác			(795.277.336)
Lợi nhuận trước thuế			113.378.983.567
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(22.800.952.181)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			90.578.031.386
Vào ngày 31/12/2019			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	208.204.218.602	246.552.905.606	454.757.124.208
Tài sản không phân bổ			5.468.541.648.508
Tổng tài sản			5.923.298.772.716
Nợ phải trả không phân bổ			4.934.672.625.584
Tổng nợ phải trả			4.934.672.625.584

9.4 Giải định hoạt động liên tục

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 562.003.694.855 VND. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ tạo ra từ hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như việc thanh lý một số tài sản dài hạn không cần dùng. Do đó, Công ty hoàn toàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong nhiều năm tài chính tiếp theo. Dự trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giải định hoạt động liên tục theo quy định hiện hành.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



PHẠM VĂN BÈN
Người lập biểu



NGUYỄN XUÂN TUYÊN
Kế toán trưởng



LÊ THANH MÀN
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2021